

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Nhóm cổ phiếu Vin tiếp tục dẫn dắt thị trường, giúp VN-Index đóng cửa tại mốc 1,837.11 điểm, tăng gần 20 điểm so với phiên trước. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 13/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp, Bất động sản tăng trên 2.5%. Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí, Hóa chất giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên hai sàn HSX, HNX và mua ròng trên sàn UPCOM. Thị trường giao dịch trong biên độ lớn, thiếu sự đồng thuận và dòng tiền có xu hướng phân hóa nhằm tìm lợi nhuận ngắn hạn. Thị trường cần thời gian để ổn định lại, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Tất cả các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 4111GC000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 20/04/2026, phần lớn các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+19.94** điểm, đóng cửa tại **1837.11** điểm. HNX-Index **-2.67** điểm, đóng cửa tại **257.33** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+8.70)**, **VIC (+5.13)**, **VCB (+1.07)**, **GEE (+1.03)**, **VPL (+0.97)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BSR (-0.57)**, **GAS (-0.45)**, **GVR (-0.41)**, **VPB (-0.33)**, **VJC (-0.31)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,069** tỷ đồng, giảm **-11.77%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,728 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 34.69 điểm. Thị trường có **154** mã tăng, **80** mã tham chiếu, **147** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-614.82** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-878.98 tỷ)**, **VPB (-138.10 tỷ)**, **BSR (-52.93 tỷ)**, **GMD (-44.55 tỷ)**, **BID (-41.26 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-26.87** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.56%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VHM (+6.93%)** ([Link báo cáo](#))
 - HCM (+3.52%)** ([Link báo cáo](#))
 - HDB (+2.67%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **+0.40%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - CTD (+5.33%)** ([Link báo cáo](#))
 - GEX (+5.00%)** ([Link báo cáo](#))
 - BMP (+3.85%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.56%	0.40%	1.10%	1.05%
1 tuần	1.21%	0.53%	4.44%	4.33%
1 tháng	11.54%	9.84%	15.46%	15.39%
3 tháng	-3.84%	-3.09%	-3.14%	-4.07%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,837.11	257.33	129.49
% 1D	1.10%	-1.03%	0.87%
GTKL (tỷ VND)	18,069	756	372
%1D	-11.77%	-33.19%	-28.58%
GDNN (tỷ VND)	-614.82	-26.87	2.70

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	136.42	VIC	-878.98
MWG	133.40	VPB	-138.10
FPT	105.00	BSR	-52.93
VHM	88.23	GMD	-44.55
MSN	73.33	BID	-41.26

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

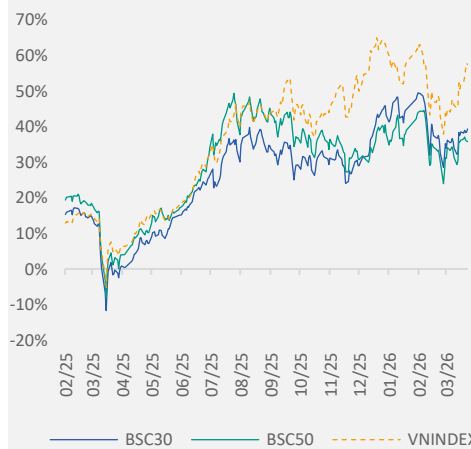
	%D	%W
SPX	1.20%	4.54%
FTSE100	-0.67%	0.13%
Eurostoxx	-1.52%	1.16%
Shanghai	0.76%	2.35%
Nikkei	0.60%	4.21%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	95.20	5.33%
Giá vàng	4,795	-0.73%
Tỷ giá		
USD/VND	26,332	-0.02%
EUR/VND	30,961	-0.09%
JPY/VND	166	-0.56%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	0.01%
LS LNH 1M	7.1%	0.00%

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	145.10	6.93%	8.70	6.87
VIC	191.00	1.65%	5.13	9.70
VCB	60.10	1.01%	1.07	6.60
GEE	192.00	6.96%	1.03	1.55
VPL	85.30	3.02%	0.97	1.35

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BSR	26.15	-2.06%	-0.57	8.03
GAS	79.20	-1.12%	-0.45	1.21
GVR	33.00	-1.49%	-0.41	2.15
VPB	28.05	-0.71%	-0.33	16.37
VJC	175.30	-1.41%	-0.31	4.12

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SCG	69.70	3.87%	0.13	0.02
NVB	11.00	0.92%	0.11	0.28
NTP	61.00	1.84%	0.11	0.32
DTK	11.60	1.75%	0.08	0.00
SGC	103.40	10.00%	0.04	0.02

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	95.10	-5.84%	-2.86	0.02
IDC	48.30	-1.63%	-0.17	1.36
PVS	38.30	-1.03%	-0.12	2.09
VIF	15.50	-3.13%	-0.10	0.00
KSV	161.50	-0.31%	-0.06	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGD	25.25	6.99%	0.03	0.01
SPM	9.04	6.98%	0.00	0.00
GEE	192.00	6.96%	0.97	1.55
VVS	133.70	6.96%	0.04	0.03
TRA	78.60	6.94%	0.04	0.04

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

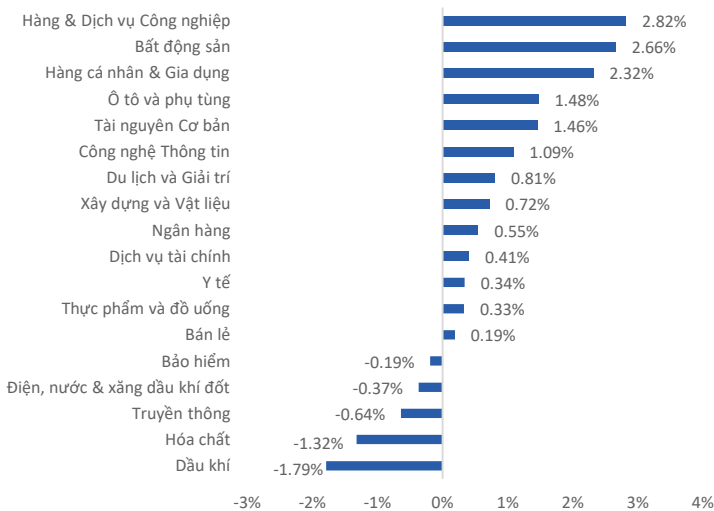
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SC5	14.70	-6.07%	0.00	0.00
TCR	2.55	-5.20%	0.00	0.00
DXV	3.82	-4.02%	0.00	0.00
BFC	64.00	-3.90%	-0.03	0.22
MDG	37.00	-3.77%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

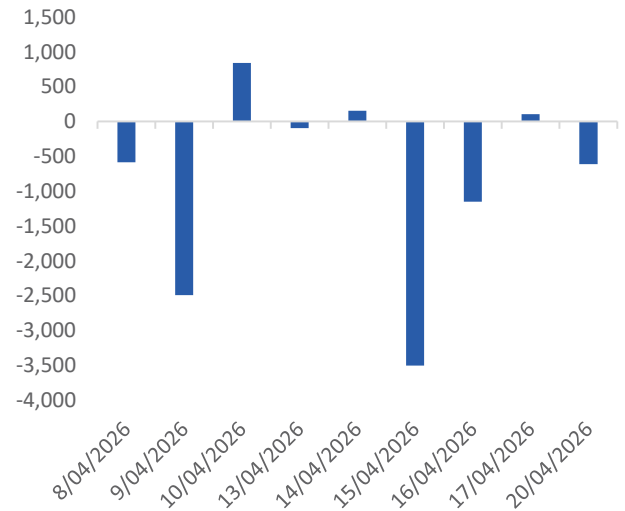
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SGC	103.40	10.00%	0.02	0.02
ONE	11.00	10.00%	0.01	0.01
SGH	24.20	10.00%	0.02	0.00
BBS	11.20	9.80%	0.00	0.00
TJC	29.90	9.12%	0.00	0.16

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PRC	13.50	-10.00%	0.00	0.02
HAT	30.70	-9.71%	0.00	0.00
MKV	20.70	-9.61%	0.00	0.09
CTT	14.30	-8.33%	0.00	0.00
AMC	12.80	-7.91%	0.00	0.00

**Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2**


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

**Hình 2
Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (nghìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (nghìn VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	87.3	0.5%	1.2	128,193	916.7	4,775	18.3	113.0	48.7%	Link
KBC	Bất động sản	35.0	-0.1%	1.4	32,961	156.1	2,450	14.3	46.0	9.3%	Link
KDH	Bất động sản	26.0	-0.2%	1.1	29,178	59.2	936	27.8	39.9	28.2%	Link
PDR	Bất động sản	16.2	0.0%	1.3	16,115	82.0	531	30.4	28.2	6.4%	Link
VHM	Bất động sản	145.1	6.9%	1.2	595,985	965.1	10,200	14.2	132.6	8.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	76.9	1.2%	0.7	131,000	529.2	5,515	13.9	124.4	32.3%	Link
BSR	Dầu khí	26.2	-2.1%	0.0	130,941	211.5	1,041		-	1.6%	Link
PVS	Dầu khí	38.3	-1.0%	1.4	19,587	80.1	3,616	10.6	52.3	16.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	28.0	3.5%	1.4	30,185	1186.2	1,454	19.2		34.9%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	29.0	1.4%	1.3	72,117	685.1	1,952	14.8		32.0%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	27.4	0.4%	1.1	31,445	173.7	1,311	20.9		20.2%	Link
DCM	Hóa chất	45.0	-0.9%	0.8	23,823	127.8	3,702	12.2	53.3	9.4%	Link
DGC	Hóa chất	53.1	-2.6%	1.0	20,166	192.9	7,965	6.7	96.7	6.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	0.8%	0.9	123,023	226.6	3,042	7.9	27.1	27.5%	Link
CTG	Ngân hàng	35.1	0.7%	1.1	272,620	214.5	4,455	7.9	53.5	25.3%	Link
HDB	Ngân hàng	26.9	2.7%	1.1	134,642	1135.2	3,437	7.8	32.7	21.8%	Link
MBB	Ngân hàng	26.4	-0.4%	1.0	212,249	352.5	3,325	7.9	32.4	23.0%	Link
MSB	Ngân hàng	12.5	-1.6%	0.9	38,844	292.8	1,804	6.9	14.0	28.8%	Link
STB	Ngân hàng	64.2	0.3%	0.9	121,031	173.1	3,150	20.4		12.4%	Link
TCB	Ngân hàng	32.6	1.1%	1.2	231,011	453.2	3,577	9.1	43.5	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.4	0.9%	1.2	45,494	127.9	2,668	6.2	-	24.5%	Link
VCB	Ngân hàng	60.1	1.0%	0.9	502,176	395.6	4,210	14.3	75.8	20.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.5	0.9%	0.8	59,570	80.6	2,143	8.2	23.0	4.9%	Link
VPB	Ngân hàng	28.1	-0.7%	1.3	222,547	462.8	3,314	8.5	36.5	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.5	1.6%	1.1	218,367	752.4	2,013	14.1	32.2	22.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.2	1.3%	1.2	10,060	70.2	1,012	16.0	15.7	3.9%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	23.3	-0.2%	0.9	8,948	37.2	3,915	5.9	28.8	1.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.8	0.4%	1.2	115,384	416.3	2,710	29.5	100.4	24.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.5	0.3%	0.6	128,532	229.1	4,503	13.7	78.0	48.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (ngìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	46.0	0.11%	1.1	10,174	54.7	2,492	18.5	24.0%		Link
FRT	Bán lẻ	150.8	-0.85%	0.8	25,682	30.5	4,667	32.3	32.3%		Link
BVH	Bảo hiểm	72.3	-0.41%	0.9	53,670	32.8	3,821	18.9	27.3%		Link
DIG	Bất động sản	14.4	0.00%	1.2	11,429	75.6	987	14.5	2.6%		Link
DXG	Bất động sản	15.0	0.67%	1.2	16,686	123.6	231	65.0	20.5%		Link
HDC	Bất động sản	18.7	0.81%	1.4	3,735	30.7	2,559	7.3	1.9%		Link
HDG	Bất động sản	28.3	1.43%	1.1	10,470	40.3	2,082	13.6	20.2%		Link
IDC	Bất động sản	48.3	-1.63%	1.7	18,330	65.7	5,090	9.5	16.5%		Link
NLG	Bất động sản	28.6	0.00%	1.1	13,850	47.2	1,805	15.8	41.3%		Link
SIP	Bất động sản	61.3	-0.97%	1.0	14,842	9.3	5,464	11.2	2.5%		Link
SZC	Bất động sản	29.0	-0.34%	1.2	5,220	12.8	1,916	15.1	4.0%		Link
TCH	Bất động sản	17.1	0.00%	1.4	15,597	102.3	416	41.1	13.8%		Link
VIC	Bất động sản	191.0	1.65%	1.2	1,471,852	1808.1	1,468	130.1	3.4%		Link
VRE	Bất động sản	29.5	2.97%	1.0	66,920	194.6	2,837	10.4	11.9%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	29.0	0.70%	1.1	6,742	7.1	1,700	17.0	37.5%		Link
PLX	Dầu khí	39.5	-1.25%	0.8	50,125	70.3	2,106	18.7	14.5%		Link
PVD	Dầu khí	32.9	-1.35%	0.7	18,261	95.5	1,868	17.6	11.3%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	27.5	-0.18%	1.2	9,529	12.8	1,173	23.4	24.9%		Link
MBS	Dịch vụ tài chính	20.3	0.00%	1.5	20,319	55.0	1,816	11.2	0.4%	15.0%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	79.2	-1.12%	0.9	191,106	96.6	4,730	16.7	2.2%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.2	-0.75%	1.1	40,342	101.5	851	15.5	2.9%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.3	1.40%	0.5	35,370	88.5	4,669	14.0	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	175.3	-1.41%	0.8	103,709	696.6	3,728	47.0	6.5%		Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	41.0	5.00%	1.6	36,953	457.5	1,638	25.0	7.2%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	74.2	-0.54%	1.0	31,646	71.8	4,173	17.8	42.0%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.1	-0.55%	0.9	10,054	22.8	6,711	8.1	11.8%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.6	-0.92%	0.6	10,127	50.6	2,208	9.8	13.2%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	70.8	-0.28%	0.9	12,244	19.1	3,272	21.6	4.7%		Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	115.0	3.60%	1.2	39,232	274.1	8,350	13.8	48.7%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	23.6	0.00%	0.9	2,644	8.5	2,402	9.8	48.4%		Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.9	0.00%	1.6	2,948	20.6	3,172	7.2	21.9%		Link
DPM	Hóa chất	28.6	-1.04%	0.8	19,446	62.3	1,578	18.1	6.2%		Link
GVR	Hóa chất	33.0	-1.49%	1.4	132,000	71.3	1,330	24.8	0.7%		Link
EIB	Ngân hàng	22.6	0.67%	1.2	42,004	171.0	610	37.0	3.0%		Link
LPB	Ngân hàng	46.0	0.00%	0.4	137,415	51.1	3,824	12.0	0.9%		Link
NAB	Ngân hàng	13.5	0.00%	0.5	23,162	20.4	2,438	5.5	0.9%		Link
OCB	Ngân hàng	11.8	0.00%	0.7	31,291	32.4	1,506	7.8	19.7%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.8	0.34%	1.3	6,602	53.4	461	32.0	5.4%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	25.4	1.60%	1.2	6,763	39.4	3,754	6.8	4.0%		Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	36.5	0.69%	0.5	11,082	92.2	440	82.9	2.9%		Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.5	0.00%	0.5	58,357	15.3	3,449	13.2	58.5%		Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	62.7	2.28%	1.1	14,073	94.3	6,319	9.9	19.6%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	153.8	3.85%	0.6	12,590	44.3	15,218	10.1	80.4%		Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.0	5.33%	1.1	9,282	127.5	7,033	11.8	49.0%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	87.1	-0.11%	1.2	9,963	17.5	5,243	16.6	5.2%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.9	1.42%	1.1	5,087	12.7	3,141	13.7	19.3%		Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.8	0.39%	1.1	6,976	68.1	1,188	10.7	10.5%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.6	-0.19%	1.0	10,940	77.0	2,532	10.5	16.7%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.2	-0.22%	0.9	14,352	123.0	5,670	3.9	2.7%		Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.3	0.54%	1.4	20,736	19.0	3,130	14.8	1.9%		Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Click
2	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Click
3	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Click
4	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
5	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
6	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
7	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
8	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
9	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
10	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
11	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
12	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
13	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
14	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
15	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
16	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
17	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
18	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
19	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
20	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
21	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
22	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
23	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
24	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
25	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Bùi Nguyễn Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường**Vũ Việt Anh**

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>